

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮKLẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 5 - 2022

*V/v: Không công nhận là vợ chồng;
tranh chấp về nuôi con, chia tài sản
của nam, nữ sống chung với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CUM'GAR**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hà; 2. Bà Trần Thị Minh Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Đuống – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Cum'gar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cum'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Oanh – Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2022, về việc “*Kiến không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Giang N, sinh năm 1980 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện Cum'gar, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 19/01/2022, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Giang N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002,

không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, cãi vã. Mặc dù hai bên đã cố gắng giải quyết các mâu thuẫn, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh N là vợ chồng.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị H- sinh ngày 18/8/2003, Nguyễn Thị Phương A- sinh ngày 24/11/2004, Nguyễn Văn H1- sinh ngày 18/11/2006; cháu H đã trưởng thành, còn cháu Phương A và cháu H1 chị có nguyện vọng nuôi dưỡng, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Đơn khởi kiện chị có yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản chung của chị và anh N, tuy nhiên trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án chị đã làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc phân chia tài sản chung. Do đó, về vấn đề tài sản chung và nợ chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Giang N trình bày:

Về thời gian chung sống và con chung như chị T trình bày là đúng anh không bổ sung gì thêm. Đối với yêu cầu không công nhận là vợ chồng của chị T thì anh xác định mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống, yêu cầu Tòa án không công nhận anh và chị T là vợ chồng.

Về con chung: Anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn H1- sinh ngày 18/11/2006 vì con trai thì cần có sự dạy bảo của bố. Tuy hiện tại anh đi làm ăn tại tỉnh Bình Phước nhưng anh sẽ sắp xếp để có thể chăm sóc con.

Tài sản chung, nợ chung: hai bên tự thỏa thuận; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 14, 53; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị T. Tuyên bố bà Phan Thị T và ông

Nguyễn Giang N không phải là vợ chồng. Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A- sinh ngày 24/11/2004, Nguyễn Văn H1- sinh ngày 18/11/2006 cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Đình chỉ giải quyết yêu cầu về việc phân chia tài sản chung của bà Phan Thị T. Về án phí: Bà Phan Thị T phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng, tranh chấp con chung, tài sản chung với bị đơn có nơi cư trú tại Thôn H, xã Q, huyện CưM'gar nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các tài liệu đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Giang N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vậy, việc chung sống như vợ chồng giữa chị T và anh N không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng, hôn nhân giữa chị T và anh N không được pháp luật thừa nhận, bảo vệ. Quá trình chung sống các bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả chị T và anh N đều có yêu cầu Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng. Vì vậy, việc tuyên bố chị Phan Thị T và anh Nguyễn Giang N không phải là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị H - sinh ngày 18/8/2003, Nguyễn Thị Phương A - sinh ngày 24/11/2004, Nguyễn Văn H1 - sinh ngày 18/11/2006. Cháu H đã trưởng thành, cháu Phương A đã gần đủ 18 tuổi, còn cháu H1 thì chị T và anh N đều có nguyện vọng nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện tại cháu Phương A và cháu H1 đang học cấp 3 tại Trường THPT Lê Hữu Trác (thị trấn Quảng Phú, huyện CưM'gar), cháu Phương A đã gần đủ 18 tuổi, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác, anh Nguyễn Giang N hiện tại đang đi làm ăn tại tỉnh Bình Phước, thỉnh thoảng mới về nhà. Do đó, để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, sinh sống và học tập ổn định của các cháu thì cần giao cháu Phương A và cháu H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại đơn khởi kiện chị Phan Thị T có yêu cầu phân chia tài sản chung của chị và anh Nguyễn Giang N. Ngày 08/4/2022 chị Phan Thị T có đơn xin rút yêu cầu phân chia tài sản chung. Tại phiên tòa các đương sự đều xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó về phần tài sản chung và nợ chung Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị T đối với yêu cầu phân chia tài sản chung, nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 273; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 3 Điều 218 và khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị T.

1. Tuyên bố chị Phan Thị T và anh Nguyễn Giang N không phải là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Phương A - sinh ngày 24/11/2004 và cháu Nguyễn Văn H1 - sinh ngày 18/11/2006 cho chị Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nguyễn Giang N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản quyền này.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị T về việc phân chia tài sản chung, nợ chung.

4. Về án phí: Chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình được khấu trừ vào số tiền 12.300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0007947 ngày 24/01/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk. Chị Phan Thị T được nhận lại số tiền 12.000.000 đồng.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND huyện CưM'gar
- THADS huyện CưM'gar
- UBND xã Q
- Nguyên đơn; bị đơn
- Lưu hồ sơ vụ án
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thiên Lý